

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỔI TƯƠNG THỦ HƯỞNG
(Kèm theo giấy rút dự toán số 39 ngày 01 tháng 6 năm 2022)

Tài khoản dự toán ☒ Tài khoản tiền gửi: ☐

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: **TRƯỜNG MẦM NON 9**
2. Mã đơn vị: **1048792**
3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: **TK : 083 008 410 290 001 ; tại : Ngân Hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Lý Thường Kiệt**

1. Nội dung đề nghị thanh toán:

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Lương và phụ cấp theo lương + thâm niên	Tiền công lao động thường xuyên theo HD	Tiền thu nhập tăng D ngày 24/9/2021 LPIT, CSTĐ	Tiền thưởng theo QĐ : 3528/CBN D ngày 24/9/2021 LPIT, CSTĐ	Trong đó:					Tiền khoản	Tiền học bổng	Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng						Tiền phụ cấp và trợ cấp khác							
Tổng số				336.487.418	184.451.701	20.887.152	-	-	59.325.840	49.173.725	21.500.000	-	149.000	1.000.000		
I	Đối với công chức, viên chức:			315.600.266	184.451.701	-	-	-	59.325.840	49.173.725	21.500.000	-	149.000	1.000.000		
1	Trần Thị Kiều Nhung	0102638288	NH Đông Á	13.818.823	8.447.373	-	-	-	2.685.725	2.685.725	-	-				
2	Nguyễn Thị Sánh	0102648657	NH Đông Á	14.515.046	8.955.856				2.779.595	2.779.595	-	-				
3	Nguyễn Thị Giang Thanh	0101386717	NH Đông Á	14.017.498	8.458.308				2.779.595	2.779.595	-	-				
4	Phạm Thị Hồng Vân	0101386707	NH Đông Á	13.653.468	8.301.348				2.597.070	1.855.050	900.000					
5	Hoàng Thị Thanh Bút	0107817636	NH Đông Á	11.993.226	7.052.346				2.357.180	1.683.700	900.000					
6	Ngô Hoàng Uyên Mi	0107817627	NH Đông Á	17.610.344	10.488.104				3.629.640	2.592.600	900.000					
7	Dương Thị Ngọc	0107817621	NH Đông Á	10.270.468	5.919.628				2.012.990	1.437.850	900.000					
8	Trần Thị Lệ Xuân	0101980518	NH Đông Á	9.375.217	5.319.397				1.840.895	1.314.925	900.000					
9	Nguyễn Thị Ngọc Thu	0107817785	NH Đông Á	8.895.035	5.018.015				1.736.595	1.240.425	900.000					
10	Hoàng Thị Bạch Ly	0102593937	NH Đông Á	18.647.384	10.488.104				3.629.640	3.629.640	900.000					
11	Nguyễn Thị Mỹ Hiền	0104882302	NH Đông Á	9.589.720	5.417.680				1.908.690	1.363.350	900.000					
12	Đoàn Hoài Nam	0108660736	NH Đông Á	7.822.689	4.240.689				1.564.500	1.117.500	900.000					
13	Lê Thụy Anh Đào	0109963794	NH Đông Á	10.216.035	6.125.795				2.065.140	1.475.100	550.000					
14	Đào Vũ Uyên Duy	0110862343	NH Đông Á	9.809.350	5.646.250				1.903.475	1.359.625	900.000					
15	Đàm Thị Ngọc Loan	0101198837	NH Đông Á	8.963.585	5.077.625				1.741.810	1.244.150	900.000					
16	Phan Thị Kim Loan	0107817769	NH Đông Á	8.569.044	5.033.084				1.741.810	1.244.150	550.000					
17	Phạm Thị Nguyễn Thùy	0109940965	NH Đông Á	8.658.126	5.122.166				1.741.810	1.244.150	550.000					
18	Nguyễn Thị Châu Thanh	0107817652	NH Đông Á	9.588.057	5.523.297				1.846.110	1.318.650	900.000					

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:								Tiền học bổng	Ghi chú		
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương + thâm niên	Tiền công lao động thường xuyên theo HD	Tiền thu nhập tăng thêm (cuối năm)	Tiền thưởng theo QĐ : 3528/UBND ngày 24/9/2021 LĐT, LBTT, CSTĐ	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác							
									Phụ cấp ưu đãi 35%	PC hỗ trợ năm non 25-35%	Chính sách thu hút GYMN theo nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND	Tiền hỗ trợ thu nhập tăng thêm NQ03 quý I/2022 cho HD 161/2018/NQ-HĐND			Phụ cấp trách nhiệm	
19	Nguyễn Thị Thu Thủy	0107817761	NH Đông Á	8.093.949	4.485.129					1.580.145	1.128.675	900.000				
20	Trần Thị Kiều	0107817788	NH Đông Á	7.292.479	4.485.129					1.580.145	677.205	550.000				
21	Nguyễn Thị Hộ	0107817287	NH Đông Á	7.663.136	4.404.316					1.580.145	1.128.675	550.000				
22	Lê Thị Thu Dung	0103295125	NH Đông Á	8.788.090	4.902.130					1.741.810	1.244.150	900.000				
23	Sư Thị Ngọc Châu	0107817285	NH Đông Á	10.249.184	5.808.944					2.065.140	1.475.100	900.000				
24	Phạm Kim Hiền	0108655242	NH Đông Á	7.212.844	3.881.164					1.418.480	1.013.200	900.000				
25	Trần Thị Hà	0109438625	NH Đông Á	6.079.088	3.374.548					1.256.815	897.725	550.000				
26	Võ Thị Mỹ Linh	0109943289	NH Đông Á	6.111.227	3.406.687					1.256.815	897.725	550.000				
27	Trần Thị Thanh Thao	0109953669	NH Đông Á	6.079.088	3.374.548					1.256.815	897.725	550.000				
28	Nguyễn Thị Thủy Trang	0107817774	NH Đông Á	9.099.539	5.490.759					1.804.390	1.804.390					
29	Nguyễn Song Hà Ny	0110899069	NH Đông Á	5.488.753	2.747.113					1.074.290	767.350	900.000				
30	Nguyễn Thị Bích Ngọc	0110899902	NH Đông Á	5.488.753	2.747.113					1.074.290	767.350	900.000				
31	Nguyễn Thị Minh Thư	0110891260	NH Đông Á	5.488.753	2.747.113					1.074.290	767.350	900.000				
32	Nguyễn Thị Hồng Tâm	0108259456	NH Đông Á	10.049.335	7.347.860					-	2.052.475		149.000	500.000		
33	Nguyễn Kim Quỳnh Như	0101386776	NH Đông Á	6.402.933	4.614.083					-	1.288.850			500.000		
II	Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP			20.887.152	-	20.887.152	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Phạm Thanh Phú	0110218883	NH Đông Á	4.232.813		4.232.813										
2	Nguyễn Dương	0109570919	NH Đông Á	4.232.813		4.232.813										
3	Ôn Thị Thanh Thanh	0108307286	NH Đông Á	4.232.813		4.232.813										
4	Mai Thị Nguyệt	0109996616	NH Đông Á	4.232.813		4.232.813										
5	Bùi Diễm Tú Minh	0109429054	NH Đông Á	3.955.900		3.955.900										
III	Đối với lao động thường xuyên theo hợp đồng			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Nguyễn Thị Hồng Gấm	0108209444	NH Đông Á	-												
2	Lê Thị Yến Trinh	0109280578	NH Đông Á	-												
3	Bùi Thị Hương Huệ	079178021922	NH Đông Á	-												

Tổng số tiền bằng chữ: **Ba trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi bốn ngàn bảy trăm mười tám đồng.**

II. Phân thuyết minh thay đổi so với tháng trước: chênh lệch so với tháng 5 = 336.487.418 -333.277.526 = 3.209.892đ tăng so với tháng 5 do : tháng 6 truy lương cho 7 người .

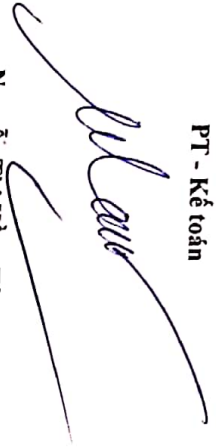
STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:										Chi trả
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương + thâm niên	Tiền công lao động thường xuyên theo HĐ	Tiền thu nhập tăng thêm (cuối năm)	Tiền thưởng theo QĐ: 3528/UBND ngày 24/9/2021 LĐT.T. CSTD	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác				Tiền khoản	Tiền học bổng	
									Phụ cấp ưu đãi 35%	PC hỗ trợ mầm non 25-35%	Chính sách thu hút GVNN theo nghị quyết số 04/2017/QĐ-HĐND	Tiền hỗ trợ thu nhập tăng thêm NQ03 qui 1/2022 cho HĐ HDND			

Người lập



Nguyễn Thị Hồng Tâm

PT - Kế toán



Nguyễn Thị Hồng Tâm

Ngày 6 tháng 6 năm 2022

Trưởng đơn vị



Trần Thị Kiều Nhung

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Chuyên viên kiểm soát chi / Giao dịch viên

Ngày.....thángnăm

Giám đốc BKNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng được ủy quyền/ Giám đốc KBNN quận, huyện